

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2025/DS-ST

Ngày: 17 - 01- 2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Bửu Khánh

Ông Huỳnh Hoàng Nam

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:** Ông Trần Ngọc Nhiều – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và ngày 17 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 311/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 497/2025/QĐXXST-DS, ngày 31 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị Q, sinh năm 1951.

Địa chỉ: Ấp TA, xã TL, huyện GR, tỉnh KG

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1980 và anh Nguyễn Đắc Đ, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp TA, xã TL, huyện GR, tỉnh KG

(Bà Q, chị C, anh Đ có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Phạm Thị Q trình bày: Vào ngày 23/4/2016 âm lịch, bà có cho vợ chồng chị Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Đắc Đ mượn 03 chỉ vàng 24k (gồm 01 chỉ 9999 và 02 chỉ vàng 98%), thỏa thuận 10 hay 15 ngày sẽ trả lại. Sau khi đến hạn trả lại vàng vợ chồng Đ không trả và thỏa thuận trả mỗi tháng 300.000 đồng tiền lãi, bà đồng ý nhận số tiền lãi như vợ chồng Đ trả. Vợ chồng Đ trả cho bà đến ngày 07/11/2021 âm lịch với tổng số tiền nhận là 19.500.000 đồng, thì vợ chồng Đ ngưng không đưa tiền lãi cũng không trả lại số vàng gốc, bà có đến gặp nhiều lần nhưng vợ chồng Đ vẫn không trả lại số vàng trên nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Đắc Đ phải trả lại cho bà 03 chỉ vàng 24k (trong đó có 01 chỉ vàng 24k

loại 9999 và 02 chỉ vàng 24k loại 98%) và yêu cầu vợ chồng anh Đ phải trả lãi suất theo thỏa thuận mỗi tháng 300.000 đồng.

- *Bị đơn chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Đắc Đ trình bày:* Chị Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Đắc Đ xác định vợ chồng anh chị có vay 03 chỉ vàng và thời gian vay như bà Q trình bày là đúng. Vợ chồng chị xác định đã đóng lãi cho bà Q số tiền 25.200.000 đồng, nhưng việc đóng lãi này không có làm giấy tờ, nay bà Q xác định vợ chồng anh chị đã đóng được 19.500.000 đồng, anh chị thống nhất với số tiền lãi như bà Q trình bày. Nay bà Q khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh chị trả lại 03 chỉ vàng đã vay anh chị đồng ý. Nhưng anh Đ, chị C có đơn phản tố đề nghị Tòa án xem xét lại phần lãi suất anh chị đã đóng cho bà Q đã vượt so với quy định. Sau khi quy 03 chỉ vàng ra thành tiền khấu trừ phần lãi suất anh chị đã đóng số còn lại anh chị sẽ trả cho bà Q.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Q yêu cầu anh Đ, chị C phải trả lại cho bà 03 chỉ vàng 24k (01 chỉ vàng 24k loại 9999 và 02 chỉ vàng 24k loại 98%) và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 07/11/2021 đến nay.

Bị đơn anh Đ, chị C đồng ý trả 03 chỉ vàng nhưng phải khấu trừ số tiền lãi vợ anh chị đã đóng còn lại anh chị sẽ trả cho bà Q.

Tại phiên tòa các bên thống nhất xác định giá vàng vào ngày 15/01/2025 loại vàng 24k 9999 có giá là 8.500.000 đồng/01 chỉ và vàng 98% có giá là 8.400.000 đồng/01 chỉ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả 03 chỉ vàng 24k, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi suất của 03 chỉ vàng tính từ ngày 07/11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đối yêu cầu phản tố của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu phản tố về việc yêu cầu đòi lại phần lãi suất số tiền 19.500.000 đồng.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Q yêu cầu anh Nguyễn Đắc Đ, chị Nguyễn Thị C trả lại 03 chỉ vàng 24k. Hội đồng xét xử xét thấy bà Q cho rằng chỉ cho anh Đ chị C mượn vàng nên yêu cầu anh chị trả lại số vàng này. Xét thấy sau thời gian thỏa thuận trả lại vàng bà Q thống nhất thỏa thuận lãi suất mỗi tháng là 100.000 đồng/01 chỉ và cũng đã thống nhất số tiền lãi đã nhận của vợ chồng anh Đ, chị C là 19.500.000 đồng nên xác định là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản cụ thể vay vàng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Đắc Đ có nơi cư trú tại Ấp TA, xã TL, huyện GR, tỉnh KG. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự là thuộc thẩm quyền giải quyết Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Q yêu cầu anh Đ, chị C phải trả lại 03 chỉ vàng 24k (01 chỉ vàng 24k loại 9999 và 02 chỉ vàng 24k loại 98%) và lãi suất theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa bà Q và vợ chồng anh Đ, chị C thống nhất chị C, anh Đ còn nợ bà Q 03 chỉ vàng 24k (01 chỉ vàng 24k loại 9999 và 02 chỉ vàng 24k loại 98%). Nhưng không thống nhất với nhau cách trả và tính lãi suất. Hội đồng xét xử xét thấy anh Đ chị C thừa nhận còn nợ bà Q 03 chỉ vàng 24k là đúng nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh do các đương sự đã thừa nhận. Từ đó, bà Q khởi kiện yêu cầu anh Đ chị C trả lại vàng là có căn cứ.

[3.2] Xét về việc bà Q yêu cầu tính lãi đối với 03 chỉ vàng cho anh Đ, chị C vay tính từ ngày 07/11/2021 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm là không có căn cứ để xem xét. Bởi theo Quyết định số 57/1992/QĐ-NH, ngày 31/3/1992 của Ngân hàng nhà nước quy định lãi vay đối với vàng tối đa là 7%/năm. Nhưng đến năm 2000 Ngân hàng Nhà nước có Quyết định số 432/2000/QĐ-NHNN1, hủy bỏ Quyết định số 57 nên chưa có quy định nào về lãi suất cho vay vàng. Theo Thông tư số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của BTP-BTC-VKSNDTC-TANDTC hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản, trong trường hợp đối tượng của hợp đồng vay là vàng, thì lãi suất được áp dụng khi Ngân hàng Nhà nước có quy định. Tuy nhiên,

hiện tại Ngân hàng nhà nước chưa có quy định tính lãi suất đối vàng nên việc bà Q yêu cầu tính lãi suất đối với 03 chỉ vàng cho vay là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu phản tố của chị C anh Đ đề nghị xem xét lại phần lãi suất đã đóng cho bà Q. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi vay vàng đến ngày 07/11/2021, bà Q xác nhận đã nhận của anh Đ chị C số tiền lãi là 19.500.000 đồng. Như đã nhận định nêu trên việc bà Q cho vay vàng và tính lãi suất là trái với quy định của pháp luật. Nay anh Đ chị C có yêu cầu xem xét lại phần lãi suất, do việc cho vay vàng chưa có quy định tính lãi suất, nên bà Q có trách nhiệm trả lại số tiền đã nhận của vợ chồng anh Đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4.1] Việc chị C anh Đ yêu cầu quy vàng thành tiền khấu trừ số tiền đã đóng cho bà Q, nhưng bà Q không đồng ý quy vàng thành tiền mà đề nghị lấy vàng nên không có căn cứ để xem xét. Theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi khi có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”*. Chị C anh Đ xác định nhận vàng từ bà Q nên nay anh chị có trách nhiệm trả lại vàng cho bà Q là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát cho rằng anh Đ chị C đã tự nguyện đóng số tiền lãi 19.500.000 đồng nên bà Q không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền lãi này là chưa phù hợp với quy định của pháp luật ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn. Bởi lẽ việc thỏa thuận lãi suất này trái với quy định pháp luật cũng như đã phân tích nêu trên đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có quy định lãi suất đối với vàng cho vay. Nay anh Đ chị C có yêu cầu tính lại phần lãi suất đã đóng cho bà Q nên cần xem xét buộc bà Q có trách nhiệm trả lại số tiền lãi như anh chị đã yêu cầu.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và chấp một phần yêu cầu của nguyên đơn, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn. Buộc anh Đ, chị C phải trả lại cho bà Q 03 chỉ vàng 24k (01 chỉ vàng 24k loại 9999 và 02 chỉ vàng loại 98%). Buộc bà Q có trách nhiệm trả lại cho anh Đ chị C số tiền đã nhận là 19.500.000 đồng.

[6] Về án phí:

Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị C anh Đ có trách nhiệm trả lại cho bà Q 03 chỉ vàng nên phải chịu án phí có giá ngạch là: (01 chỉ x 8.500.000 đồng + 02 chỉ x 8.400.000 đồng) = 25.300.000 đồng x 5% = 1.265.000 đồng (một triệu hai trăm sáu mươi năm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí do anh Đ, chị C đã nộp 630.000 đồng theo biên lai thu số 0008971, ngày 20/11/2024 của C cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, anh Đ chị C còn phải nộp thêm 635.000 đồng (Sáu trăm ba mươi năm nghìn đồng).

Bà Q có trách nhiệm trả lại cho chị C anh Đ là 19.500.000 đồng phải chịu án phí có giá ngạch là : 19.500.000 đồng x 5% = 975.000 đồng (chín trăm bảy mươi năm nghìn đồng. Nhưng bà Q là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên bà Q không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 269; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điều 463, khoản 1 Điều 465; Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; **Xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Q. Không chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà Q đối với số vàng cho anh Đ chị C vay tính từ ngày 07/11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Buộc anh Nguyễn Đắc Đ chị Nguyễn Thị C phải trả lại cho bà Q 03 (ba) chỉ vàng 24k (trong đó 01 chỉ vàng 24k loại 9999 và 02 chỉ vàng 24k loại 98%).

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của chị Nguyễn Thị C anh Nguyễn Đắc Đ. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Đ chị C về việc khấu trừ số tiền lãi đã đóng vào số vàng vay còn lại anh chị sẽ trả cho bà Q.

Buộc Phạm Thị Q phải trả lại cho anh Đ chị C số tiền 19.500.000 đồng (mười chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày chị C, anh Đ có đơn yêu cầu thi hành đối với khoản tiền cho đến khi thi hành án xong nếu bà Q không giao trả lại số tiền hoặc giao không đủ thì bà

Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí:

Anh Đ, chị C phải chịu án phí là 1.265.000 đồng (một triệu hai trăm sáu mươi năm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí do anh Đ, chị C đã nộp 630.000 đồng theo biên lai thu số 0008971, ngày 20/11/2024 của C cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, anh Đ chị C còn phải nộp thêm 635.000 đồng (Sáu trăm ba mươi năm nghìn đồng).

Bà Q là người cao tuổi nên không phải chịu án phí.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Bà Phạm Thị Q, anh Nguyễn Đắc Đ, chị Nguyễn Thị C có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

